

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC TỪ VỰNG CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC VỚI DANH SÁCH TỪ VỰNG TIẾNG ANH THÔNG DỤNG MỚI

Bùi Thị Kim Phượng^{1,2},
Lê Thái Hưng²,
Trần Thị Thu Anh³,
Trần Thị Tú Anh⁴⁺

¹Đại học Bách khoa Hà Nội;

²Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;

³Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

⁴Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: trantuanh1977@gmail.com

Article history

Received: 02/4/2024

Accepted: 25/4/2024

Published: 20/6/2024

Keywords

Assessment, vocabulary,
foreign language learning,
students, non-English majors,
new general service list

ABSTRACT

Vocabulary knowledge assessment plays a critical role in language teaching and learning. A number of studies have been conducted to evaluate the vocabulary knowledge of the Vietnamese EFL learners at different educational levels. This study was conducted with 290 first-year non-English majors at a university. The students took a bilingual test to assess their vocabulary knowledge with the New General Service List (NGSL). The result showed that the students participating in the study had a limited vocabulary. Only 37% of all participants recognized the meaning of 2,500 words in the list. Moreover, the participants demonstrated better knowledge of more common words. The study is expected to make positive contributions to the vocabulary knowledge assessment practices, thereby improving the quality of language education in Vietnam.

1. Mở đầu

Kiểm tra, đánh giá (KTĐG) kiến thức từ vựng có ý nghĩa quan trọng với cả người dạy và người học trong đào tạo ngôn ngữ và trong nghiên cứu. Trong bối cảnh dạy và học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam, từ vựng luôn được xem trọng trong chương trình giảng dạy. Tuy nhiên, trong thực tế, kết quả của một số các nghiên cứu gần đây kiểm tra từ vựng của người học tiếng Anh ở Việt Nam cho thấy HS phổ thông và sinh viên (SV) đại học có lượng từ rất hạn chế, không đạt được yêu cầu về lượng từ trên (Vu & Peters, 2021). Mặt khác, nhiều vấn đề về KTĐG cần được xem xét. Thứ nhất, danh sách từ nào, khía cạnh ngôn ngữ nào và hình thức KTĐG nào được sử dụng để xác định được lượng từ mục tiêu vẫn chưa được xác định một cách cụ thể. Thứ hai, các công cụ kiểm tra để đánh giá kiến thức từ vựng tiếng Anh trong các nghiên cứu trước đây cũng có nhiều khác biệt, và chưa tương thích với mục tiêu đào tạo. Hầu hết các công cụ được sử dụng hướng tới đối tượng học tiếng Anh rất rộng, không hướng trực tiếp đến đối tượng người học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam.

Từ những vấn đề này có thể nhận định rằng cần nhiều hơn các nghiên cứu mang lại những hướng đi phù hợp với thực trạng dạy và học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam, cụ thể trong lĩnh vực kiểm tra từ vựng, trong đó có việc xây dựng các công cụ đánh giá kiến thức từ vựng tiếng Anh hướng tới đối tượng người học tiếng Anh ở Việt Nam, cũng như các nghiên cứu sử dụng các công cụ phù hợp để thực hiện những đánh giá chính xác và đáng tin cậy về người học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam. Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích sử dụng bài trắc nghiệm từ vựng tiếng Anh thông dụng song ngữ Anh - Việt để KTĐG kiến thức từ vựng tiếng Anh của nhóm SV khối không chuyên tiếng Anh tại một trường đại học ở Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tổng quan một số nghiên cứu

2.1.1. Nghiên cứu về kiểm tra, đánh giá từ vựng tiếng Anh

Do từ vựng đóng vai trò nền tảng cho tất cả các hoạt động sử dụng ngôn ngữ, KTĐG từ vựng đóng một vai trò quan trọng, mang lại những giá trị to lớn trong nghiên cứu cũng như trong thực tiễn dạy và học ngôn ngữ. Trước hết và quan trọng nhất, việc KTĐG kiến thức từ vựng tiếng Anh có mối liên quan rõ rệt đến việc xác định trình độ thông thạo ngôn ngữ của người được kiểm tra (Schmitt et al., 2017) và do đó là một phần quan trọng của việc học ngôn ngữ. Có được kết quả KTĐG kiến thức từ vựng tiếng Anh, người học có thể tự xác định được trình độ của mình, thúc đẩy việc học tập, nâng cao nhận thức về các khía cạnh khác nhau của từ vựng (Yanagisawa & Webb, 2019). Kết quả KTĐG kiến thức từ vựng tiếng Anh cũng có thể sử dụng cho các mục đích khác của quá trình dạy và học như tìm ra khó khăn của người học để tìm giải pháp, xếp lớp, kiểm tra tiến độ học tập với lượng từ vừa học, đánh giá

thành công của một khóa học (Gyllstad, 2019). Trong nghiên cứu, các bài kiểm tra kiến thức từ vựng có thể ảnh hưởng đến việc học từ vựng có diễn ra hay không, cũng như số lượng từ mà người tham gia được đánh giá là “biết” (Read, 2019) hay góp phần đánh giá tác động của trải nghiệm học tập đối với quá trình phát triển từ vựng cũng như để đo lường mức độ phát triển từ vựng của người học (Stoekel & Bennett, 2015).

KTĐG kiến thức từ vựng tiếng Anh có thể hướng tới nhiều khía cạnh của từ vựng bao gồm 03 khía cạnh chính, mỗi khía cạnh bao gồm 03 khía cạnh nhỏ: (1) Hình thức từ (các khía cạnh nhỏ: dạng nói, dạng viết và các thành tố của từ); (2) Nghĩa của từ (các khía cạnh nhỏ: dạng từ và nghĩa, khái niệm và các tham chiếu, và các liên kết); (3) Sử dụng từ (các khía cạnh nhỏ: chức năng ngữ pháp, kết hợp từ và các ràng buộc khi sử dụng). Trong đó, khía cạnh kiến thức tiếp nhận - mối quan hệ giữa dạng từ (form) và nghĩa (meaning) được xem là nền móng để tiến hành việc học tập và lĩnh hội các khía cạnh khác của từ vựng, do đó cũng là trọng tâm của rất nhiều các nghiên cứu về KTĐG từ vựng trong nhiều năm qua (Webb & Chang, 2012).

2.1.2. Nghiên cứu về danh sách từ vựng tiếng Anh thông dụng mới

Từ vựng tiếng Anh thông dụng là những từ tiếng Anh được sử dụng với tần suất cao trong ngôn ngữ viết và nói. Việc nắm vững từ vựng thông dụng cho phép người học có thể nhận biết một tỉ lệ lớn lượng từ trong các văn bản mà họ tiếp cận, do đó là rất quan trọng, đặc biệt với người học ngoại ngữ tiếng Anh có ít tiếp xúc với ngôn ngữ đích so với người bản xứ (Webb & Nation, 2017).

“Danh sách từ vựng tiếng Anh thông dụng mới” (New general service list - NGSL) được công bố vào năm 2013 có cùng mục đích như “Danh sách từ thông dụng” (General service list - GSL) của West xuất bản năm 1953 được biết đến rộng rãi trước đây gồm các từ vựng cốt lõi có tần suất sử dụng cao cho người học tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ. NGSL được phát triển nhằm mang lại một danh sách từ thông dụng hiệu quả và hữu ích hơn cho người học và GV ngôn ngữ với tính cập nhật cao hơn và độ phủ các văn bản tiếng Anh thông thường rộng hơn so với danh sách từ GSL (Browne, 2013). Cùng với danh sách từ vựng thông dụng, nhóm phát triển dự án cũng phát triển các công cụ hỗ trợ dạy và học như các ứng dụng, trò chơi, bài trắc nghiệm có thể truy cập tại <https://www.newgeneralservicelist.com/>. Nghiên cứu này được thực hiện với danh sách từ vựng tiếng Anh thông dụng phiên bản NGSL 1.01 được sử dụng rộng rãi từ 2016 - 2023 với 2801 từ được chia thành năm dải từ tương ứng với năm cấp độ thông dụng.

2.1.3. Nghiên cứu về kiến thức từ vựng tiếng Anh thông dụng của người học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam

Một số lượng không nhiều các nghiên cứu được thực hiện để đo lường kiến thức từ vựng tiếng Anh thông dụng của người học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam. Nguyen và Nation (2011) đã khảo sát kiến thức từ vựng của 62 SV Việt Nam năm thứ ba chuyên Anh và phát hiện ra rằng những SV này sở hữu vốn từ vựng dao động 6000-7000 từ. Tuy nhiên, các thông tin về mức độ thông dụng của lượng từ không được cung cấp. Vu và Nguyen (2019) tiến hành kiểm tra kiến thức từ vựng với 500 HS lớp 12 và báo cáo kết quả về kiến thức từ vựng hạn chế của đối tượng tham gia với 14% nắm được 2000 từ thông dụng nhất, 4,4% nắm được 3000 từ thông dụng nhất. Cùng hướng tới đối tượng chuyên ngữ như nghiên cứu của Nguyen và Nation (2011), Nguyen và Webb (2017) khảo sát kiến thức từ vựng của 100 SV chuyên ngành tiếng Anh năm thứ nhất với một bài kiểm tra 180 câu về các cụm động từ - danh từ và tính từ - danh từ được tạo thành từ từ vựng thuộc các mức thông dụng 1000, 2000 và 3000 trong danh sách từ BNC/COCA của Nation (2012). Kết quả được báo cáo là những người tham gia chưa nắm vững kiến thức về cụm từ ở bất kỳ cấp độ thông dụng nào; và kiến thức giảm đáng kể với mỗi cấp độ thông dụng.

Có thể thấy rằng các nghiên cứu đều hướng tới khía cạnh cơ bản nhất và quan trọng nhất của kiến thức từ vựng trong KTĐG - khía cạnh kiến thức tiếp nhận thông qua yêu cầu nhận biết nghĩa của các từ trong danh sách từ kiểm tra. Tuy nhiên, các nghiên cứu sử dụng các công cụ kiểm tra khác nhau với danh sách từ vựng thông dụng khác nhau, cụ thể Nguyen và Nation (2011) dùng phiên bản song ngữ của “Vocabulary size test” (VST) (Nation & Belgar, 2007) với danh sách từ BNC/COCA (Nation, 2012); Vu và Nguyen (2019) dùng “Vocabulary levels test” (VLT) (Schmitt et al., 2001) với danh sách từ GSL của West (1953); Nguyen và Webb (2017) sử dụng bài kiểm tra 180 câu về cụm từ với chỉ 3000 từ trong danh sách từ BNC/COCA của Nation (2012). Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này lựa chọn việc sử dụng phiên bản song ngữ bài trắc nghiệm từ vựng tiếng Anh thông dụng với danh sách từ vựng của Browne (2013) cùng kì vọng sẽ đóng góp vào việc phản ánh thực trạng kiến thức từ vựng của người học ngoại ngữ tiếng Anh, cũng như đưa ra một số gợi ý về việc dạy và học cũng như KTĐG từ vựng trong bối cảnh đào tạo ngôn ngữ ở Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo hướng tiếp cận định lượng với công cụ là bài trắc nghiệm song ngữ Anh - Việt với danh sách từ kiểm tra là “Danh sách từ vựng tiếng Anh thông dụng mới” của Browne (2013) và được phát triển

bởi Bui và cộng sự (2022) từ bài trắc nghiệm đơn ngữ từ vựng tiếng Anh thông dụng của Stoeckel và Bennett (2015). Quy trình thiết kế công cụ nghiên cứu được chia làm 03 giai đoạn chính. Giai đoạn một là phát triển phiên bản song ngữ, tuân theo các lưu ý của các học giả trước đó, bao gồm Nguyen và Nation (2011) và Stoeckel và cộng sự (2018). Giai đoạn hai là thử nghiệm và đánh giá độ tin cậy của phiên bản song ngữ áp dụng lý thuyết Hồi đáp câu hỏi (Item response theory - IRT). Sau quá trình thử nghiệm với 401 thí sinh, dữ liệu làm bài của thí sinh được phân tích với phần mềm Conquest. Các hệ số tin cậy là Alpha và Separation Reliability của bài trắc nghiệm song ngữ đều đạt hơn 0.9. Các hệ số này cao cho thấy các đề thiết kế có độ tin cậy cao và các tham số câu hỏi có tính độc lập tốt. Từ kết quả phân tích, các câu hỏi trong bài trắc nghiệm được tiến hành phân loại và chỉnh sửa. Các câu hỏi phù hợp với mô hình, các chỉ số về độ khó và độ phân biệt được giữ lại trong bản hoàn thiện. Các câu hỏi không phù hợp với mô hình được loại bỏ và thay thế bằng câu hỏi mới. Các câu hỏi phù hợp với mô hình nhưng có các phương án nhiễu chưa đảm bảo yêu cầu thì được chỉnh sửa. Giai đoạn cuối tiến hành việc hoàn thiện bài trắc nghiệm, có tham khảo ý kiến chuyên gia. Nghiên cứu của Bui và cộng sự (2022) cũng đã cung cấp những minh chứng đầu tiên về độ tin cậy của bài kiểm tra NGSL song ngữ trong việc kiểm tra từ vựng tiếng Anh thông dụng của người học tiếng Anh ở Việt Nam.

Bài trắc nghiệm song ngữ Anh - Việt có 100 câu hỏi, 20 câu hỏi cho mỗi dải trong số năm dải từ khoảng 560 từ của danh sách NGSL. Trong mỗi câu hỏi, từ đích tiếng Anh được cung cấp và sau đó là một câu sử dụng từ trong ngữ cảnh. Tiếp theo là bốn lựa chọn câu trả lời bằng tiếng Việt trong đó có ba phương án nhiễu và một phương án đúng. Cách diễn giải kết quả theo hướng định lượng của bài trắc nghiệm cung cấp thông tin về tổng số câu trả lời đúng của cả bài trắc nghiệm cũng như từng cấp độ thông dụng như bài trắc nghiệm cấp độ từ vựng (Vocabulary levels test) của Schmitt và cộng sự (2001), từ đó mang lại những gợi ý hữu ích cho thí sinh trong việc tích lũy từ vựng sau bài trắc nghiệm.

2.2.2. Quá trình và đối tượng tham gia nghiên cứu

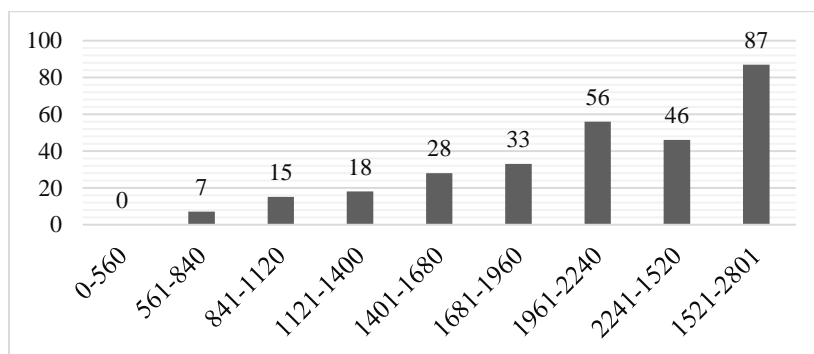
Nghiên cứu được thực hiện với 290 SV không chuyên tiếng Anh năm thứ nhất, thuộc khối Kỹ thuật tại một trường đại học ở Hà Nội. Việc chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện với các SV tình nguyện tham gia. Các SV này đã thực hiện kì thi phân lớp đầu vào và có điểm TOEIC từ 170 đến 395, theo học các khóa tiếng Anh tổng quát tại trường. Sau khi được giới thiệu về mục đích nghiên cứu, nhóm SV sẽ thực hiện bài trắc nghiệm và được thông báo kết quả số câu trả lời đúng của cả bài trắc nghiệm cũng như từng cấp độ thông dụng sau khi hoàn thành. Đối tượng tham gia cũng được giới thiệu các công cụ học tập liên quan đến danh sách NGSL để có thể tự cải thiện kiến thức từ vựng của bản thân dựa vào kết quả kiểm tra. Sau khi tiến hành làm sạch dữ liệu, nhóm nghiên cứu lấy kết quả và tiến hành phân tích để thực hiện mục đích nghiên cứu đã đề ra.

2.3. Kết quả và thảo luận

Kết quả làm bài của 202 SV đã được tổng hợp và phân tích, kết quả thống kê mô tả được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Thống kê mô tả kết quả làm bài trắc nghiệm song ngữ từ vựng tiếng Anh thông dụng

Tổng số SV	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
290	24	100	75	19,3



Hình 1. Ước tính lượng từ của thí sinh theo điểm số

Theo kết quả thu được, điểm số của SV tham gia thực hiện bài trắc nghiệm có sự chênh lệch khá lớn, dải từ 24 đến 100. Nếu áp dụng cách ước tính lượng từ của bài trắc nghiệm từ vựng VST (Nation & Belgar, 2007), lượng từ của nhóm SV tham gia nghiên cứu vào khoảng 672 đến 2801, lượng từ trung bình là 2100 từ. Để đảm bảo lượng từ yêu cầu khi hoàn thành chương trình phổ thông là 2500 từ, SV đạt điểm từ 89 với danh sách gồm 2801 từ. Với kết quả của bài trắc nghiệm song ngữ, có 95 SV tham gia có số điểm từ 89 trở lên, chiếm khoảng 37%; số SV còn lại

không đảm bảo nắm vững được 2500 từ tiếng Anh thông dụng nhất theo danh sách NGSL. Kết quả này cho thấy SV tham gia nghiên cứu thể hiện số lượng từ vựng hạn chế, đồng nhất với kết quả của các nghiên cứu đánh giá từ vựng trước đây của Vu và Nguyen (2019) và Vu và Peters (2021). Bên cạnh ước tính lượng từ tiếng Anh thông dụng của các SV tham gia, nghiên cứu tiến hành phân tích kết quả làm bài của SV với các cấp độ thông dụng của bài trắc nghiệm song ngữ, theo đề xuất của bài trắc nghiệm từ vựng thông dụng đơn ngữ của Stoeckel và Bennett (2015).

Bảng 2. Thống kê mô tả kết quả làm bài trắc nghiệm theo cấp độ thông dụng

Cấp độ thông dụng	1	2	3	4	5
Điểm trung bình	18,7	15,7	14,4	13,6	12,7
Điểm thấp nhất	2	0	1	2	1
Điểm cao nhất	20	20	20	20	20
Độ lệch chuẩn	2,7	4,8	5,2	4,7	5,1

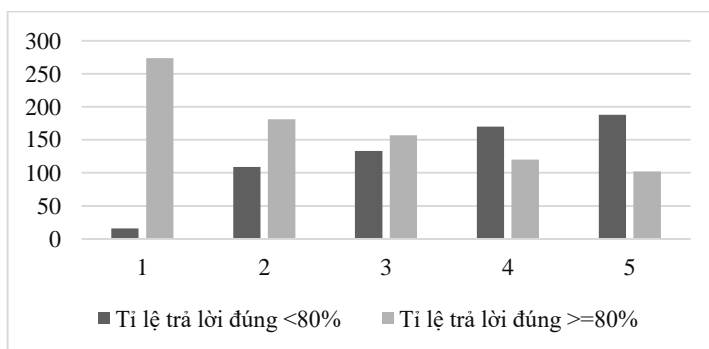
Bảng 2 cho thấy, thí sinh có kết quả làm bài tốt hơn với nhóm từ ở mức thông dụng cao hơn so với nhóm từ ở mức thông dụng thấp hơn, cụ thể điểm số trung bình là 18,7 ở cấp độ 1 và giảm dần xuống 12,7 ở cấp độ 5, chứng minh thực tế thí sinh thể hiện kiến thức tốt hơn ở các từ có mức độ thông dụng hơn. Phát hiện này đồng nhất với kết quả trong nghiên cứu của Nguyen và Webb (2017), Stoeckel và Bennett (2015) về cấu trúc từ vựng điển hình của người học ngôn ngữ.

Theo như Stoeckel và Bennett (2015), thí sinh được đánh giá là nắm vững cấp độ thông dụng khi có tỉ lệ trả lời đúng với các câu hỏi trong cấp độ đó là 80-85%, cụ thể là 16-17 câu trả lời đúng trên tổng số 20 câu của mỗi cấp độ. Từ kết quả làm bài của nhóm SV tham gia nghiên cứu, 94% thí sinh nắm vững từ vựng thông dụng cấp độ 1, tỉ lệ này giảm dần: 62% với cấp độ 2; 54% với cấp độ 3; 42% với cấp độ 4; 35% với cấp độ 5. Theo kết quả này, với các thí sinh có tỉ lệ trả lời đúng dưới 80% ở cấp độ thông dụng nào được khuyến nghị ôn tập danh sách từ vựng của cấp độ đó và đặc biệt chú ý đến những từ chưa nắm vững. Kết quả chi tiết với từng cấp độ từ vựng này là một điểm mạnh của bài trắc nghiệm từ vựng tiếng Anh thông dụng kế thừa từ bài trắc nghiệm VLT nhằm mang lại những thông tin có giá trị đến người học trong quá trình tích lũy cũng như nâng cao lượng từ vựng của mình cũng như đến các nhà sư phạm trong việc lựa chọn các tài liệu dạy học phù hợp với mục đích từ vựng đang hướng tới (Schmitt et al., 2001).

Kết quả nghiên cứu này cùng với kết quả của số lượng không nhiều các nghiên cứu được thực hiện cho thấy một thực trạng đáng lưu tâm về việc dạy, học và KTĐG kiến thức từ vựng của người học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam. Trước hết, kết quả đánh giá chỉ hướng tới việc KTĐG kiến thức từ vựng tiếp nhận tiếng Anh - khía cạnh cốt lõi về kiến thức từ vựng, với các khía cạnh từ vựng phức tạp hơn cũng như các kiến thức ngôn ngữ hay kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kết quả đánh giá có thể còn thấp hơn nhiều. Thứ hai, đối tượng tham gia của nghiên cứu này là SV đại học đã có thời gian học tiếng Anh tại các cấp học từ tiểu học đến phổ thông trung học, kết quả đánh giá từ vựng cần được xem xét một cách nghiêm túc, đặc biệt khi yêu cầu tiếng Anh cao hơn trong môi trường học thuật tại cơ sở đào tạo. Để tăng cường từ vựng cho người học, một số các biện pháp cần được áp dụng để đảm bảo lượng từ cần thiết, có thể kể đến việc thiết kế các hoạt động để tăng cơ hội tiếp nhận cũng như sử dụng từ vựng song song với việc phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Anh cả trong và ngoài lớp học; việc thực hiện các công tác KTĐG chính xác để hỗ trợ quá trình dạy và học ngoại ngữ tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục của Việt Nam; cũng như việc thực hiện các nghiên cứu để tăng nhận thức của người học, các nhà sư phạm về danh sách từ vựng tiếng Anh thông dụng phù hợp với đối tượng người học ngoại ngữ tiếng Anh (Vu & Peters, 2021), đề xuất cụ thể của nghiên cứu này là danh sách NGSL của Browne (2013) cùng với các công cụ học tập hỗ trợ mà người học có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

3. Kết luận

Bài báo đã thực hiện được mục tiêu KTĐG kiến thức từ vựng của đối tượng người học ngoại ngữ khối không chuyên tiếng Anh ở Việt Nam với danh sách từ vựng tiếng Anh thông dụng mới của Browne (2013). Với việc sử



Hình 2. Tỉ lệ trả lời đúng của thí sinh theo các cấp độ

dụng bài trắc nghiệm song ngữ được phát triển bởi Bui và cộng sự (2022), nhóm tác giả đã tiến hành KTĐG kiến thức từ vựng của 290 SV năm nhất đang theo học các khóa tiếng Anh tại cơ sở đào tạo. Nghiên cứu đi đến kết luận về kiến thức từ vựng còn hạn chế của SV cũng như mức độ kiến thức tốt hơn với từ vựng có mức độ thông dụng cao hơn. Kết quả này đồng nhất với kết quả của một số các nghiên cứu trước đây. Bài báo này, cùng với các nghiên cứu đánh giá từ vựng trong bối cảnh dạy và học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam mang lại kết quả đáng ghi nhận, nhấn mạnh tầm quan trọng của KTĐG để phản ánh chính xác và nhanh chóng thực trạng đào tạo, từ đó tạo tiền đề cho các đề xuất thay đổi, cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh giáo dục tại Việt Nam. Mặt khác, bài báo vẫn tồn tại một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu được thực hiện với cỡ mẫu nhỏ. Các công trình trong tương lai có thể thực hiện đánh giá trên diện rộng với cỡ mẫu lớn hơn, đa dạng trình độ thành thạo ngôn ngữ, tiến hành so sánh giữa các nhóm đối tượng người học ngoại ngữ khác nhau. Ngoài ra, kết quả này để lại “khoảng trống” cho các nghiên cứu đánh giá từ vựng trong tương lai trong việc xây dựng các công cụ trắc nghiệm khác và danh sách từ vựng dành riêng cho đối tượng người học ngoại ngữ tiếng Anh ở Việt Nam. Cuối cùng, các nghiên cứu trong tương lai có thể hướng tới nghiên cứu đề xuất và xây dựng các công cụ hỗ trợ dạy và học từ vựng tiếng Anh từ đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo ngôn ngữ nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Browne, C. (2013). The new general service list: Celebrating 60 years of vocabulary learning. *The Language Teacher*, 37(4), 13-16.
- Bui, T. K. P., Nguyen, Q. T., & Le, T. H. (2022). *The development of A Vietnamese-English Bilingual Version of the New General Service List Test*. 2nd Hanoi Forum on Pedagogical and Educational Sciences, Hanoi, Vietnam.
- Gyllstad, H. (2019). Measuring knowledge of multiword items. In *The Routledge handbook of vocabulary studies* (pp. 387-405). Routledge.
- Nation, I. S. P. (2012). *The BNC/COCA word family lists*. <http://www.victoria.ac.nz/lals/about/staff/paulnation>
- Nation, I. S. P. (2013). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge University.
- Nation, I. S. P., & Beglar, D. (2007). A vocabulary size test. *The Language Teacher*, 31(7), 9-13.
- Nguyen, L. T. C., & Nation, P. (2011). A bilingual vocabulary size test of English for Vietnamese learners. *RELC Journal*, 42(1), 86-99.
- Nguyen, T. M. H., & Webb, S. (2017). Examining second language receptive knowledge of collocation and factors that affect learning. *Language Teaching Research*, 21(3), 298-320. <https://doi.org/10.1177/1362168816639619>
- Read, J. (2019). Key issues in measuring vocabulary knowledge. In *The Routledge handbook of vocabulary studies* (pp. 545-560). Routledge.
- Schmitt, N., Cobb, T., Horst, M., & Schmitt, D. (2017). How much vocabulary is needed to use English? Replication of van Zeeland & Schmitt (2012), Nation (2006) and Cobb (2007). *Language Teaching*, 50(2), 212-226. <https://doi.org/10.1017/s0261444815000075>
- Schmitt, N., Schmitt, D., & Clapham, C. (2001). Developing and exploring the behaviour of two new versions of the Vocabulary Levels Test. *Language Testing*, 18(1), 55-88.
- Stoeckel, T., & Bennett, P. (2015). A test of the new General Service List. *Vocabulary Learning and Instruction*, 4(1), 1-8. <https://doi.org/10.7820/vli.v04.1.stoeckel.bennett>
- Stoeckel, T., Ishii, T., & Bennett, P. (2018). A Japanese-English bilingual version of the new general service list test. *JALT Journal*, 40(1), 5-21. <https://doi.org/10.37546/JALTJJ40.1-1>
- Vu, D. V., & Nguyen, N. C. (2019). *An assessment of vocabulary knowledge of Vietnamese EFL learners*. The 20th English in Southeast Asia Conference, National Institute of Education, Nanyang Technological University, Singapore.
- Vu, D. V., & Peters, E. (2021). Vocabulary in English language learning, teaching, and testing in Vietnam: A review. *Education Sciences*, 11(9), 563. <https://doi.org/10.3390/educsci11090563>
- Webb, S. A., & Chang, A. C. S. (2012). Second language vocabulary growth. *RELC Journal*, 43(1), 113-126. <https://doi.org/10.1177/0033688212439367>
- Webb, S., & Nation, I. S. P. (2017). *How vocabulary is learned*. Oxford University Press.
- Yanagisawa, A., & Webb, S. (2019). Measuring depth of vocabulary knowledge. In *The Routledge handbook of vocabulary studies* (pp. 371-386). Routledge.